

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1017/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/4/2021

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quý;
2. Bà Nguyễn Thị Lượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 672/2020/HNST ngày 14/07/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 467/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1161/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Hạ L, sinh năm: 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: 145/17 đường G, khu phố S, Phường B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Trần Khánh K, sinh năm: 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: 145/17 đường G, khu phố S, Phường B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Bà Bùi Thị Hạ L và ông Trần Khánh K tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2011, do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới. Đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 87, đăng ký ngày 17/08/2001 tại Ủy Ban nhân dân phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh. Đời sống hôn nhân không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trở nên nghiêm trọng, mâu thuẫn bắt đầu xảy ra khi sinh đứa con đầu lòng năm 2002. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông K thường xuyên tụ tập ăn nhậu thâu đêm, không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đặt biệt ông K còn ngoại tình, sống chung với người phụ nữ khác bên ngoài. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không

còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, có hàn gắn cũng không mang lại hạnh phúc. Do vậy, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông K để ổn định cuộc sống. Giữa bà Bùi Thị Hạ L và ông Trần Khánh K có ba con chung tên Trần Khánh Hoàng, sinh ngày 22/08/2002 (hiện đã trưởng thành và đủ khả năng lao động), Trần Khánh Hưng, sinh ngày 14/03/2004 và Trần Khánh Huy, sinh ngày 12/05/2013. Bà L yêu cầu sau khi ly hôn được quyền nuôi cả ba con con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung bà Bùi Thị Lan xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, giữa hai bên không có nợ chung.

(2) Bị đơn ông Trần Khánh K vắng mặt không có lý do khi được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất.

(3) Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn ông Trần Khánh K vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn bà Bùi Thị Hạ L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn ông Trần Khánh K vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và nguyên đơn bà Bùi Thị Hạ L có đơn xin được xét xử vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Tòa án áp dụng Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt của các đương sự. Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Bùi Thị Hạ L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Khánh K là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ kiện, bị đơn ông Trần Khánh K đang cư trú trên địa bàn thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn bà Bùi Thị Hạ L có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Khánh K vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ bản sao trích lục kết hôn số: 487/TLKH-BS ngày 01/7/2020 của Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định giữa bà Bùi Thị Hạ L và ông Trần Khánh K có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào sự thừa nhận và không phản

đôi của các bên đương sự về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chính giữa hai bên là do ông Trần Khánh K không lo làm việc, tụ tập ăn nhậu, ông K ngoại tình với người phụ nữ khác bên ngoài, không chung thủy, hai bên thường xuyên tranh cãi và phát sinh mâu thuẫn. Nhận thấy, từ khi nhận được thông báo bà Bùi Thị Hạ L nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng ông Trần Khánh K vẫn không có thiện chí hòa giải để các bên đoàn tụ, không quan tâm kết quả Tòa án giải quyết như thế nào. Xét thấy, hai bên không còn tình cảm, không yêu thương, chia sẻ làm cho đời sống hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được. Tình trạng hôn nhân giữa bà Bùi Thị Hạ L và ông Trần Khánh K thuộc trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] *Về con chung*: Căn cứ vào bản sao giấy khai sinh số 438, quyển số BA ngày 29/10/2002, bản sao giấy khai sinh số 71, quyển số 01 ngày 03/6/2013 và bản sao giấy khai sinh số 248/2013, quyển số 02/2013 của Ủy ban nhân dân phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh, có sơ sở xác định bà Bùi Thị Hạ L và ông Trần Khánh K ba con chung tên Trần Khánh Hoàng, sinh ngày 22/08/2002, Trần Khánh Hưng, sinh ngày 14/03/2004 và Trần Khánh Huy, sinh ngày 12/05/2013. Căn cứ vào sự thừa nhận và không phản đối của hai bên đương sự, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định hiện tại con chung tên Trần Khánh Hoàng đã trưởng thành và đủ khả năng lao động, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về người chăm sóc nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Đối với con chung chưa thành niên tên Trần Khánh Hưng và Trần Khánh Huy hiện tại đang do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, nguyện vọng của các con là được ở với mẹ, phía bị đơn ông Trần Khánh K không hợp tác, không thể hiện ý chí đối với việc nuôi con. Do vậy, yêu cầu được nuôi con chưa thành niên của bà Bùi Thị Hạ L phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Bùi Thị Hạ L về việc không yêu cầu ông Trần Khánh K cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] *Về tài sản chung* Bà Bùi Thị Hạ L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] *Về nợ chung*: Bà Bùi Thị Hạ L tự xác định không có.

[4] *Về án phí*: Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn bà Bùi Thị Hạ L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Bùi Thị Hạ L được ly hôn với ông Trần Khánh K.

- *Về con chung*: Bà Bùi Thị Hạ L và ông Trần Khánh K có ba người con chung tên Trần Khánh Hoàng, sinh ngày 22/08/2002 (hiện đã trưởng thành và đủ khả năng lao động), Trần Khánh Hưng, sinh ngày 14/03/2004 và Trần Khánh Huy, sinh ngày 12/05/2013. Giao hai con chung chưa thành niên tên Trần Khánh Hưng và Trần Khánh Huy cho bà Bùi Thị Hạ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Không bên nào có quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Bùi Thị Hạ L về việc không yêu cầu ông Trần Khánh K cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Bà Bùi Thị Hạ L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Bùi Thị Hạ L tự xác định không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng buộc bà Bùi Thị Hạ L phải nộp theo quy định, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Bùi Thị Hạ L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0057406 ngày 14/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Bùi Thị Hạ L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị Hạ L và ông Trần Khánh K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Thiên